

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2022/HS-ST**

Ngày: 09/11/2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Đình Quang  
2. Ông Phạm Văn Bằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1994. Tại Phú Thọ. Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1975. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: - Ngày 17/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 123/2012/HSST. Bị cáo chưa chấp hành phần án phí.

- Ngày 25/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 148/2015/HSST. Bị cáo chưa chấp hành phần án phí.

Nhân thân: - Ngày 20/02/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết

định số 30/2019/QĐ-TA. Đến ngày 11/5/2020, được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại, theo Quyết định số 177/2020/QĐ-TA.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 09/9/2022.

**2. Võ Chí T**, sinh năm 1989. Tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Phật. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Văn L, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: - Ngày 12/01/2011, bị Công an huyện Trảng Bom ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, mức phạt 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo chưa đóng tiền phạt.

- Ngày 21/01/2021, bị Tòa án huyện Trảng Bom áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số 19/2021/QĐ-TA. Thời gian chấp hành 18 tháng. Bị cáo chấp hành áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 10/9/2022.

Nhân thân: - Ngày 31/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng 10 ngày tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo bản án số 73/2010/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số 63/2016/QĐ-TA. Đến ngày 26/10/2017, được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại, theo Quyết định số 622/2017/QĐ-TA.

- Ngày 10/7/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 76/2018/HSST. Bị cáo kháng cáo và ngày 22/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo bản án số 231/2018/HS-PT, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt ngày 24/10/2022.

Các bị cáo có mặt.

- **Bị hại:** Bà Phan Thị D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đường 3 tháng 2, tổ 2A, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 16/8/2021, Võ Chí T cùng bạn là Lê Tuấn A đến nhà của Nguyễn Tuấn A chơi và rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng. Trên đường đi qua vỉa hè của chị Phan Thị D tại đường 3/2, khu phố 5, thị trấn Trảng Bom thì Nguyễn Tuấn A phát hiện phía trước vỉa hè có 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60U1-6454 của chị D đang dựng trước nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa và phía trước xe có 01 bình ắc quy 50AH N50MF không có người trông coi nên đã bàn bạc với T trộm cắp chiếc xe. Lúc này Lê Tuấn A đi bộ một mình phía trước khoảng 20m, không tham gia bàn bạc và không biết Nguyễn Tuấn A và Võ Chí T có ý định trộm cắp xe mô tô. Sau đó, Nguyễn Tuấn A nói với Tâm vào lấy trộm xe, T đi vào mở chìa khóa của xe mô tô biển số 60U1-6454 rồi điều khiển xe chạy về hướng Nguyễn Tuấn A và Lê Tuấn A đang đi phía trước. Sau đó cả 3 chở nhau đi đến khu vực cổng 11 thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để tìm chỗ mua ma túy. Tại đây T để Lê Tuấn A xuống ngồi đợi, còn T và Nguyễn Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 60U1-6454 đi mua 03 tép ma túy với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) từ số tiền của Nguyễn Tuấn A bán chiếc lồng gà cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, sau đó T và Nguyễn Tuấn A sử dụng hết 02 tép ma túy, T giữ lại 01 tép ma túy cho Lê Tuấn A. Trên đường về nơi Lê Tuấn A đang đợi thì T và Nguyễn Tuấn A đem bán bình ắc quy 50AH N50FM cho một người đàn ông mua bán phế liệu tại khu vực phường Long Bình, thành phố Biên Hòa (không rõ nhân thân lai lịch và địa chỉ cụ thể) được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), số tiền bán bình ắc quy thì T sử dụng mua thêm 01 tép ma túy (T giữ lại sử dụng) và tiêu xài hết. Khi cả hai quay lại nơi Lê Tuấn A chờ thì T đưa cho Lê Tuấn A 01 tép ma túy sử dụng. Sau đó Tâm điều khiển xe mô tô 60U1-6454 chở Lê Tuấn A và Nguyễn Tuấn A về tại khu vực lô cao su thuộc khu phố 4, thị trấn Trảng Bom rồi T điều khiển xe mô tô 60U1-6454 đi về nhà. Trên đường về nhà, T gặp Tài (không rõ nhân thân, lai lịch), T đã đổi cục lốc máy của xe mô tô 60U1-6454 (số máy HC12E-2050442) với cục lốc máy xe mô tô của Tài (số máy VTT48YX1P39F002774) để lấy ma túy sử dụng. Sau đó T thấy 01 biển số xe 60K6-1057 đã cũ bị vứt tại lô cao su nên đã lấy biển số này thay vào xe mô tô mà T đã trộm được của chị D rồi mang xe về nhà và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến 14 giờ ngày 17/8/2021, Công an thị trấn Trảng Bom tuần tra phát hiện T đang điều khiển xe mô tô gắn biển số 60K6-1057 có biểu hiện nghi vấn nên mời T về làm việc. Quá trình làm việc, T khi nhận hành vi cùng đồng bọn trộm cắp tài sản

nêu trên. Công an thị trấn Trảng Bom đã chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom thụ lý giải quyết.

**Các vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX gắn biển số 60K6-1057, số khung RLHHC12348Y613193, số máy VTT48YX1P39F002774.

- 01 USB hiệu Kingston 04GB lưu trữ 01 đoạn video ghi hình ảnh diễn biến vụ việc (lưu tại hồ sơ).

Tại kết luận định giá tài sản ngày 07/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trảng Bom kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX gắn biển số 60K7-1057 có trị giá là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); 01 bình ắc quy 50AH N50FM có trị giá 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Chị D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số: 38/CT/VKS-HS ngày 23 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Võ Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Chí T với mức án từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A với mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong phần bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 8 giờ ngày 16/8/2021, tại khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Võ Chí T cùng Nguyễn Tuấn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 60U1-6454 và 01 bình ắc quy 50AHN50FM của chị Phan Thị D có tổng trị giá là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó Tuấn A có 02 tiền án về hành vi Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt bị cáo A được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự ; của bị cáo T được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt nhưng không đó làm bài học cho mình mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật. Trong vụ án, các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo A là người xúi giục nên có vai trò cao hơn bị cáo T. Bị cáo A đã có 02 tiền án nhưng lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong quá trình xét xử các bị cáo có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn trong công tác xét xử. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX gắn biển số 60U1-6454, số khung RLHHC12348Y613193, số máy HC12E-2050442 do anh Phạm Văn T, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: phường Xuân An, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đứng tên trên giấy chứng nhận xe. Anh Thanh khai năm 2008 anh Cường (em trai) và vợ là chị D có nhờ anh T đứng tên đăng ký xe biển số 60U1-6545 nên xe này là tài sản của anh Cường chị Duyên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom trả lại cho chị D là phù hợp.

- 01 USB hiệu Kingston 04GB lưu trữ 01 đoạn video ghi hình ảnh diễn biến vụ việc (lưu tại hồ sơ).

- 01 bình ắc quy 50AHN50FM các bị cáo đã bán nhưng không xác định được địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[7] Về những vấn đề khác liên quan:

Đối với Lê Tuấn A đi cùng với Nguyễn Tuấn A và Võ Chí T, Trong quá trình xét xử, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung về việc Lê Tuấn A có phải là đồng phạm hoặc có đủ yếu tố để cấu thành tội phạm khác hay không?. Tuy nhiên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng Lê Tuấn A không biết việc Võ Chí T và Nguyễn Tuấn A bàn bạc trộm cắp tài sản, không tham gia vào việc trộm cắp tài sản. Do vậy, hành vi của Lê Tuấn A không đồng phạm với Võ Chí T và Nguyễn Tuấn A về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Lê Tuấn A không tham gia vào việc tiêu thụ tài sản trộm cắp cùng với Võ Chí T và Nguyễn Tuấn A. Tài sản của T và Tuấn A trộm cắp có giá trị 6.250.000 đồng, vì vậy không có căn cứ để xử lý Lê Tuấn A về tội phạm khác. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị với các cơ quan tiến hành tố tụng cần tiếp tục xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Tuấn A để tránh bỏ lọt tội phạm.

Đối với đối tượng tên Tài, là người đã đổi lốc máy cho Tâm hiện không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không làm việc được, không thu hồi được lốc máy của xe mô tô biển số 60U1-6454 (số máy HC12E-2050442); không xác định người gốc cục lốc máy VTT48YX1P39F002774 và 01 biển số xe 60K6-1057 hiện không xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) đã bán ma túy cho T và Nguyễn Tuấn A. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa, xét thấy phù hợp một phần với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

### 1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt: Nguyễn Tuấn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2022.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt: Võ Chí T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

**2. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A và Võ Chí T, mỗi cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Công an H. Trảng Bom;
- THADS H. Trảng Bom;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Hạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**  
**TÒA**



**Nơi nhận**

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Hạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**  
**TÒA**

**Nơi nhận**  
- TAND tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**Thái Thị Thanh Bình**